

**BỘ ĐƠN GIÁ QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
TRÊN ĐỊA BÀN TP BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 64/2015/QĐ-UBND

ngày 17/12/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

PHẦN I

THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

I. NỘI DUNG BỘ ĐƠN GIÁ

Đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột là chi phí cần thiết về vật liệu, công cụ lao động, nhân công, máy thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng đối với các công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải đô thị trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột.

1. Bộ đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bao gồm các chi phí sau:

a) Chi phí vật liệu:

Là chi phí giá trị vật liệu chính, vật liệu phụ cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Chi phí vật liệu quy định trong đơn giá này đã bao gồm vật liệu hao hụt trong quá trình thực hiện công việc.

Giá vật tư, vật liệu trong Bộ đơn giá chưa bao gồm khoản thuế giá trị gia tăng.

Trong quá trình thực hiện Bộ đơn giá nếu giá vật liệu thực tế (Mức giá chưa có thuế giá trị gia tăng) chênh lệch so với giá vật liệu để tính đơn giá thì được bù trừ chênh lệch. Các đơn vị căn cứ vào mức giá vật liệu thực tế (Mức giá chưa có thuế giá trị gia tăng) tại từng khu vực, ở từng thời điểm do cơ quan quản lý giá xây dựng công bố và số lượng vật liệu đã sử dụng theo định mức để tính ra chi phí vật liệu thực tế, sau đó so sánh với chi phí vật liệu theo đơn giá để xác định mức bù trừ chênh lệch chi phí vật liệu và đưa trực tiếp vào chi phí vật liệu trong dự toán.

b) Chi phí nhân công:

Chi phí nhân công trong đơn giá được xác định theo Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXD ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước (mức lương cơ sở là 1.150.000đồng/tháng) và đã tính hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương bằng 0,7.

Chi phí nhân công trong đơn giá được tính theo bảng lương I.6, nhóm lao động

trực tiếp, ngành dịch vụ công ích đô thị, cung cấp điện nước sạch, trong điều kiện lao động bình thường.

Các khoản phụ cấp gồm: phụ cấp khu vực, phụ cấp độc hại, phụ cấp trách nhiệm được xác định theo hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

c) Chi phí máy thi công:

Là chi phí sử dụng máy trực tiếp sử dụng để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

2. Bộ đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải được xác định trên cơ sở

Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Thông tư số 26/2015/TT-BLDTBXD ngày 14/7/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

Quyết định số 35/2007/QĐ-UBND ngày 05/09/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Định mức dự toán công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk Về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức dự toán xây dựng trong công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 35/2007/QĐ-UBND ngày 05/9/2007 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

II. KẾT CẤU TẬP ĐƠN GIÁ

Bộ đơn giá được phân theo nhóm, loại công tác được mã hoá thống nhất theo quy định trong tập định mức dự toán quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-UBND ngày 5/9/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

PHẦN I : Thuyết minh và quy định áp dụng.

PHẦN II: Đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải

- Chương I: Quản lý, vận hành mạng lưới thoát nước thải (bao gồm: Công tác kiểm tra, vệ sinh hệ thống tuyến ống, giếng thăm, giếng kiểm tra, giếng chuyển hướng, hộp nổi)
- Chương II: Quản lý, vận hành trạm bơm áp lực C2A
- Chương III: Quản lý, vận hành nhà máy xử lý nước thải
- Chương IV: Quản lý, vận hành trạm bơm tái sử dụng nước thải

Chương V: Quản lý, vận hành các bể chứa nước và hệ thống tuyến ống tái sử dụng nước thải.

Chương VI: Công tác vệ sinh hồ thu nước, hồ ga.

III. HƯỚNG DẪN LẬP DỰ TOÁN

Thực hiện theo nội dung hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư hướng dẫn phương pháp lập và quản lý giá dự toán dịch vụ công ích đô thị.

IV. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

Bộ đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là căn cứ để các tổ chức, cá nhân liên quan tham khảo, sử dụng vào việc lập và quản lý chi phí quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đối với những công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải mà có yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công khác với quy định trong tập đơn giá này thì các đơn vị căn cứ vào phương pháp xây dựng định mức dự toán do Bộ Xây dựng hướng dẫn để xây dựng định mức và lập đơn giá trình cấp có thẩm quyền ban hành áp dụng.

Trong quá trình sử dụng tập đơn giá quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột, nếu gặp vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để nghiên cứu giải quyết./.

PHẦN II
ĐƠN GIÁ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG
THOÁT NƯỚC THẢI TRÊN ĐỊA BÀN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK
CHƯƠNG I
QUẢN LÝ VẬN HÀNH MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI

I. KIỂM TRA MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI.

TNT1.01 KIỂM TRA ĐƯỜNG ỐNG BẰNG MÁY GHI HÌNH

Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị xe (đổ nhiên liệu, đổ nước vào bồn, kiểm tra xe, máy phát điện, robot và thiết bị ghi hình).
- + Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- + Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- + Mở nắp giếng thăm đầu trên và đầu dưới - chờ khí độc bay đi.
- + Dùng vòi phun nước vệ sinh lòng giếng và đáy giếng.
- + Lắp đặt phao, bơm căng phao để bịt nước chảy xuống từ đường ống phía trên.
- + Đưa thiết bị kiểm tra (Robot) xuống đáy giếng và điều khiển đi vào bên trong ống.
- + Theo dõi lòng cống trên màn hình và ghi lại số liệu, dữ liệu chi tiết của quá trình kiểm tra vào sổ.
- + Sau khi kiểm tra xong đoạn ống, điều khiển robot ra khỏi ống và đưa robot lên.
- + Tiến hành phun nước xối rửa đường dây và thiết bị kiểm tra (robot).
- + Tháo dỡ phao và đưa thiết bị kiểm tra (robot) lên.
- + Đậy nắp giếng thăm lại, vệ sinh công trường.
- + Thu dọn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định, tháo dỡ rào chắn.
- + Thống kê đánh giá mức độ hư hỏng và đề xuất kế hoạch sửa chữa.

Đơn vị tính: đồng/50m đường ống

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Kiểm tra tuyến ống thoát nước thải bằng máy ghi hình Số lượng:				
TNT1.011	- Ø 150 ÷ Ø 300mm	50m		23.009	72.362
TNT1.012	- Ø 400 ÷ Ø 700mm	50m		23.584	116.583

TNT1.02 KIỂM TRA GIẾNG THĂM, GIẾNG KIỂM TRA BẰNG THỦ CÔNG

Thành phần công việc:

- + Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- + Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- + Mở nắp giếng thăm - giếng kiểm tra, chờ khí độc bay đi.
- + Dùng chổi xương vệ sinh bên trong giếng cho sạch sẽ.
- + Xuống lòng giếng để kiểm tra và đánh giá tình trạng giếng thăm - giếng kiểm tra theo chỉ định bằng mắt thường, như sau:
 - Tình trạng giếng thăm: nắp, thân, thành, đáy giếng.
 - Mức độ tích đọng chất cặn lắng, bùn, rác.
- + Ghi dữ liệu, số liệu đã kiểm tra và lập báo cáo đầy đủ theo mẫu lệnh công việc.
- + Kiểm tra xong đậy nắp giếng thăm, vệ sinh công trường.
- + Tháo dỡ rào chắn thu dọn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- + Thống kê đánh giá mức độ hư hỏng và đề xuất kế hoạch sửa chữa.

Đơn vị tính: đồng/giếng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.021	Kiểm tra giếng thăm, giếng kiểm tra bằng thủ công	giếng		4.985	

TNT1.03 KIỂM TRA GIẾNG CHUYỂN HƯỚNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP THỦ CÔNG

Thành phần công việc:

- + Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- + Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- + Vệ sinh mặt trên nắp giếng chuyển hướng và xung quanh giếng với bán kính 1 mét.
- + Mở nắp giếng chuyển hướng kiểm tra, chờ khí độc bay đi.
- + Kiểm tra và đánh giá tình trạng nắp, thân và đáy giếng
- + Ghi đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc.
- + Đậy nắp giếng chuyển hướng.
- + Vệ sinh công trường, thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- + Thống kê đánh giá mức độ hư hỏng và đề xuất kế hoạch sửa chữa.

Đơn vị tính: đồng/giếng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.031	Kiểm tra giếng chuyển hướng bằng phương pháp thủ công	giếng		13.614	

TNT1.04 KIỂM TRA HỘP NỔI BẰNG PHƯƠNG PHÁP THỦ CÔNG

Thành phần công việc:

- + Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- + Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- + Vệ sinh mặt trên nắp hộp nổi và xung quanh giếng với bán kính 1 mét.
- + Mở nắp hộp nổi, chờ khí độc bay đi.
- + Kiểm tra và đánh giá tình trạng nắp, thân và đáy giếng
- + Ghi đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc.
- + Đậy nắp hộp nổi.
- + Vệ sinh công trường, thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- + Thống kê đánh giá mức độ hư hỏng và đề xuất kế hoạch sửa chữa.

Đơn vị tính: đồng/giếng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.041	Kiểm tra hộp nổi bằng phương pháp thủ công	giếng		13.614	

II. VỆ SINH MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI BẰNG THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG

TNT1.05 VỆ SINH GIẾNG THĂM, GIẾNG KIỂM TRA BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC VÀ XE HÚT CHÂN KHÔNG

Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình - bồn chứa, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe)
- + Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- + Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- + Vệ sinh mặt trên nắp giếng thăm - giếng kiểm tra.
- + Mở nắp giếng thăm - giếng kiểm tra, chờ khí độc bay đi.
- + Trèo xuống giếng và dùng phao bịt một (01) đầu ống.
- + Dùng vòi phun áp lực phun nước vào bên trong thành và đáy giếng để xúc rửa, vệ sinh cho đến khi sạch sẽ.
- + Dùng xe hút chân không hút hết rác, đất, cặn lắng bên trong đáy giếng.
- + Trèo xuống giếng tháo phao bịt đầu ống và đậy nắp giếng.
- + Vệ sinh công trường, thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- + Ghi chép đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc.

Đơn vị tính: đồng/giếng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.051	Vệ sinh giếng thăm, giếng kiểm tra bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không	giếng	727	26.844	208.059

TNT1.06 VỆ SINH GIẾNG CHUYỂN HƯỚNG BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC VÀ XE HÚT CHÂN KHÔNG

Thành phần công việc :

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình - bồn chứa, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Vệ sinh mặt trên nắp giếng thăm.
- Mở nắp giếng hộp nổi, chờ khí độc bay đi.
- Dùng vòi phun áp lực phun nước vào bên trong thành và đáy giếng để xúc rửa, vệ sinh cho đến khi sạch sẽ.
- Dùng xe hút chân không hút hết rác, đất, cặn lắng bên trong đáy giếng.
- Đậy nắp giếng khớp miệng giếng không bị kênh kê.
- Vệ sinh công trường, thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- Ghi chép đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc.

Đơn vị tính: đồng/giếng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.061	Vệ sinh giếng chuyển hướng bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không	giếng	1.090	14.956	147.164

TNT1.07 VỆ SINH HỘP ĐẦU NỒI BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC

Thành phần công việc :

- Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình - bồn chứa, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe).
- Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- Vệ sinh mặt trên nắp giếng thăm.
- Mở nắp giếng hộp nối, chờ khí độc bay đi.
- Dùng vòi phun áp lực phun nước vào bên trong thành và đáy giếng để xúc rửa, vệ sinh cho đến khi sạch sẽ.
- Đậy nắp giếng khớp miệng giếng không bị kên kê.
- Vệ sinh công trường, thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- Ghi chép đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc.

Đơn vị tính: đồng/giếng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.071	Vệ sinh giếng hộp nối bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không	giếng	727	13.422	82.531

TNT1.08 VỆ SINH TUYẾN ỐNG BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC VÀ XE HÚT CHÂN KHÔNG

Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị xe (bơm nước vào bình - bồn chứa, đổ nhiên liệu, kiểm tra xe)
- + Đến vị trí được chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- + Lập rào chắn an toàn quanh công trường.
- + Mở nắp giếng thăm, giếng kiểm tra, chờ khí độc bay đi.
- + Trèo xuống giếng và dùng phao bịt một (01) đầu ống.
- + Đưa vòi phun áp lực phun vào bên trong đường ống để đẩy toàn bộ cặn lắng ra ngoài giếng thăm, giếng kiểm tra.
- + Dùng thiết bị hút của xe hút chân không để hút toàn bộ phần cặn lắng trong giếng thăm, giếng kiểm tra vào bồn chứa của xe và vận chuyển đến nhà máy xử lý chất thải phân nước trong bồn, còn lại phần cặn lắng, đất, đá phải vận chuyển đến bãi chôn lấp chất thải rắn để xử lý.
- + Tháo phao bịt đầu ống và đậy lại nắp giếng thăm - giếng kiểm tra.
- + Vệ sinh công trường, tháo dỡ rào chắn, thu dọn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện về nơi quy định.
- + Ghi chép đầy đủ thông tin vào mẫu lệnh công việc.

Đơn vị tính: đồng/50m đường ống

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT1.081	Vệ sinh tuyến đường ống bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không - Ø 150 ÷ Ø 300mm	50m	9.083	23.009	416.119
TNT1.082	- Ø 400 ÷ Ø 700mm	50m	15.198	23.009	416.119

CHƯƠNG II
QUẢN LÝ VẬN HÀNH TRẠM BƠM C2A

TNT2.01 XẢ TRÀN KHẨN CẤP (TRƯỜNG HỢP ĐỘT XUẤT)

Thành phần công việc:

- + Theo dõi mực nước trong ngăn chứa thải, trong ống xả tràn và mực nước suối phải bảo đảm đủ điều kiện xả tràn khẩn cấp.
- + Mở nắp hồ xả tràn
- + Dùng dụng cụ chuyên dùng mở van xả tràn, điều khiển nước thải thoát khỏi trạm bơm và xả trực tiếp ra suối.
- + Trong trường hợp khẩn cấp cần thông báo để được hỗ trợ kịp thời.

Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT2.011	Xả tràn khẩn cấp	Lần		26.844	

TNT2.02 VỆ SINH LƯỚI CHẮN RÁC (LƯỚI LỌC) ĐẦU VÀO (30 PHÚT VỚT RÁC 1 LẦN; THỜI GIAN TỪ SAU 23H ĐẾN 5H00 SÁNG HÔM SAU KHÔNG THỰC HIỆN VỚT RÁC)

Thành phần công việc:

- + Dùng cào và vớt vớt rác bám dính mặt trước lưới chắn rác (lưới lọc của hồ van) đầu vào.
- + Các loại rác lấy ra từ lưới chắn rác (lưới lọc) và bẫy cát phải đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực trạm bơm.
- + Vệ sinh hồ van và lưới chắn rác bằng vòi nước sạch.
- + Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT2.021	Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào	Lần		1.534	

TNT2.03 VỆ SINH HẦM BƠM: (30 PHÚT VỚT RÁC 1 LẦN; THỜI GIAN TỪ SAU 23H ĐẾN 5H00 SÁNG HÔM SAU KHÔNG THỰC HIỆN VỚT RÁC)

Thành phần công việc:

- + Dùng cào và vớt vớt rác bên trong hầm bơm.
- + Đổ rác vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực trạm bơm.
- + Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT2.031	Vệ sinh hầm bơm	Lần		2.109	

TNT2.04 VỆ SINH BƠM CHÌM, ĐÁY HẦM BƠM (THỰC HIỆN 01 TUẦN/LẦN)

Thành phần công việc:

- + Dùng 4 máy bơm chìm bơm cạn 1 phần hầm bơm (điều khiển thủ công).
- + Dùng bàn chải, miếng cước lau chùi toàn bộ các bơm chìm và hệ thống phao bơm.
- + Dùng cuốc cào gom đất, cát, bùn tích tụ dưới đáy hầm bơm lại một góc.
- + Dùng nước sạch và chổi làm vệ sinh lại bơm chìm, tường, và đáy hầm bơm.
- + Sử dụng xe hút chân không hút hết đất, cát, rác còn lại.
- + Vận chuyển bùn - nước - rác đến Nhà máy xử lý nước thải và xả bùn vào đúng vị trí tại Nhà máy XLNT.

Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT2.041	Vệ sinh bơm chìm, đáy hầm bơm	Lần		115.044	395.641

TNT2.05 VẬN HÀNH HỆ THỐNG BƠM CHÌM

Thành phần công việc:

- + Kiểm soát lưu lượng nước thải từ các tuyến ống thoát thải đưa về trạm bơm, kiểm tra thể tích nước chứa trong hầm bơm.
- + Thiết lập chế độ hoạt động của các máy bơm (tự động hoặc thủ công) tại tủ điều khiển.
- + Có mặt thường xuyên trong quá trình bơm hoạt động.
- + Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

Đơn vị tính: đồng/1000 m³ nước thải

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT2.051	Vận hành hệ thống bơm chìm	1000 m ³		140.929	

CHƯƠNG III
QUẢN LÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TNT3.01 ĐO LƯU LƯỢNG (30 PHÚT ĐO 1 LẦN; 48 LẦN/NGÀY ĐÊM)

Thành phần công việc:

- + Theo dõi lưu lượng nước trong máng đo lưu lượng tại công trình thu.
- + Ghi chép số liệu trên thiết bị đo lưu lượng bằng thủ công và tính toán lưu lượng nước thải thực tế qua máng đo lưu lượng.
- + Làm vệ sinh thiết bị và máng đo lưu lượng
- + Lập bảng báo cáo và lưu trữ số liệu đo lưu lượng.

Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.011	Đo lưu lượng nước thải qua máng đo lưu lượng	Lần		959	

TNT3.02 XẢ CẶN TẠI CÔNG TRÌNH THU (2 TIẾNG XẢ 1 LẦN; 12 LẦN/NGÀY ĐÊM)

Thành phần công việc:

- + Kiểm tra mực nước trước van xả cặn
- + Dùng dụng cụ chuyên dùng mở van xả cặn, điều khiển nước thải thoát trực tiếp ra giếng xả cặn.
- + Quan sát áp lực nước trong ống xả cặn đủ mạnh và bảo đảm cặn lắng đọng đã được ra giếng xả cặn, đóng van xả cặn.
- + Vớt rác trong giếng đổ vào thùng đặt nơi quy định, vệ sinh thành giếng.

Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.021	Xả cặn tại công trình thu	Lần		8.628	

TNT3.03 HÚT ĐẤT, CÁT, LÀM VỆ SINH HỒ XẢ CẶN TẠI CÔNG TRÌNH THU (HÚT, VỆ SINH 01 LẦN/NGÀY)

Thành phần công việc:

- + Bật máy bơm chìm bơm nước trong hồ xả cặn lên đường ống thoát nước thải.
- + Dùng xe hút chân không hút hết bùn, cát, rác tích tụ dưới đáy hồ.
- + Dùng nước sạch phun rửa hồ xả cặn; trèo xuống đáy hồ, dùng dụng cụ thủ công cạy hết rác bịt ở ống chắn rác của máy bơm chìm trong hồ xả cặn.
- + Xả nước từ xe hút chân không ra hầm tự hoại.

Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.031	Hút, vệ sinh hồ xả cặn tại công trình thu	Lần		48.702	158.785

TNT3.04 VỆ SINH THÁC LÀM THOÁNG (THÁC TẠO KHÍ, VỆ SINH 02 LẦN/TUẦN)

Thành phần công việc:

- + Dùng cào và vớt rác bám dính trong các bậc thác và đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực thác làm thoáng.
- + Dùng vòi phun nước thổi tan bọt khí tích đọng trong thác làm thoáng.
- + Làm vệ sinh các bậc thác và xung quanh thác làm thoáng.

Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện/1 thác

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.041	Vệ sinh thác làm thoáng	Lần/thác		166.239	

TNT3.05 VỆ SINH LƯỚI CHẮN RÁC (LƯỚI LỌC) ĐẦU VÀO (30 PHÚT VỚT 1 LẦN; THỜI GIAN TỪ SAU 23H ĐẾN 5H00 SÁNG HÔM SAU KHÔNG THỰC HIỆN VỚT RÁC)

Thành phần công việc:

- + Dùng cào và vớt rác bám dính mặt trước lưới chắn rác (lưới lọc của hồ van) đầu vào.
- + Các loại rác lấy ra từ lưới chắn rác (lưới lọc) và bầy cát phải đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực Nhà máy XLNT.

Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.051	Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào	Lần		1.150	

TNT3.06 VỆ SINH HỒ PHÂN CHIA LƯU LƯỢNG, HỒ THU HẦM TỰ HOẠI (THỰC HIỆN 04 LẦN/NGÀY)

Thành phần công việc:

- + Dùng chổi quét rong rêu, dùng máy phun rửa các thành của hồ phân chia lưu lượng.
- + Phun nước, quét dọn đất, cát, rác khu vực xung quanh hồ thu hầm tự hoại.
- + Dùng cào và xẻng xúc hết đất, cát, đá trong hồ thu hầm tự hoại do xe tiếp nhận chất thải từ hầm tự hoại đưa về.
- + Các loại rác, cát, đá lấy ra từ hồ thu hầm tự hoại phải đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực của Nhà máy XLNT.

Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.061	Vệ sinh hồ phân chia lưu lượng, hồ thu hầm tự hoại	Lần		12.271	

TNT3.07 VỆ SINH CÁC GIẾNG KIỂM TRA PHÍA TRÊN VÀ TRƯỚC CÔNG TRÌNH THU (THỰC HIỆN 01 LẦN/TUẦN)

Thành phần công việc:

- + Mở nắp gang của các giếng kiểm tra, chờ 5 - 10 phút cho khí độc bay hết.
- + Dùng cào và vớt vớt hết rác nổi ở trong các giếng kiểm tra.
- + Các loại rác lấy ra từ giếng kiểm tra phải đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực Nhà máy xử lý nước thải.

Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.071	Vệ sinh giếng kiểm tra bằng thủ công	Lần		21.667	

TNT3.08 VỚT RÁC TÍCH ĐỘNG TRÊN MẶT HỒ KỶ KHÍ (3 THÁNG/1 LẦN), HỒ SINH HỌC (1 THÁNG/1 LẦN) VÀ HỒ LÀM THOÁNG (1 THÁNG/1 LẦN)

Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị dụng cụ và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc.
- + Đứng trên thuyền dùng vợt vớt rác tích đọng trên mặt hồ.
- + Đổ rác lên phương tiện vận chuyển và chuyển đến địa điểm tập kết.
- + Vệ sinh và thu dọn hiện trường về kho bãi ...

Đơn vị tính: đồng/1000 m²

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
	Vớt rác tích đọng trên mặt hồ số lượng:				
TNT3.081	- Hồ kỹ khí	1000m ²		311.578	
TNT3.082	- Hồ sinh học	1000m ²		186.947	
TNT3.083	- Hồ làm thoáng	1000m ²		155.885	

TNT3.09 BẢO VỆ BÊN TRONG NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Thành phần công việc:

- + Kiểm tra, bảo vệ vật tư tài sản bên trong nhà máy xử lý nước thải theo đúng nội quy quy định tại xí nghiệp thoát nước thành phố Buôn Ma Thuột.

Đơn vị tính: đồng/1 ha/24 giờ ngày đêm

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT3.091	Bảo vệ bên trong khu vực nhà máy xử lý nước thải	Ha/24h ngày đêm		143.805	

CHƯƠNG IV

QUẢN LÝ VẬN HÀNH TRẠM BƠM TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI

TNT4.01 LẮP ĐẶT TẮM CHẮN (TẮM PHAI BẰNG GỖ) NGĂN DÒNG NƯỚC DÒNG SUỐI

Thành phần công việc:

- + Vận chuyển bằng thủ công các tấm chắn bằng gỗ từ kho đến vị trí lắp đặt.
- + Lắp đặt các tấm chắn theo đúng trình tự (14 tấm chắn).

Đơn vị tính: đồng/lần

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT4.011	Lắp đặt tấm chắn (tấm phai bằng gỗ) ngăn nước dòng suối	Lần		14.189	

* Chỉ áp dụng trong mùa khô và khi có nhu cầu tưới tiêu

TNT4.02 THÁO DỠ TẮM CHẮN (TẮM PHAI BẰNG GỖ) NGĂN DÒNG NƯỚC DÒNG SUỐI

Thành phần công việc:

- + Tháo dỡ các tấm chắn theo đúng trình tự (14 tấm chắn)
- + Làm vệ sinh các tấm chắn cho sạch và để khô.
- + Vận chuyển bằng thủ công các tấm chắn bằng gỗ đến kho lưu giữ và xếp đúng vị trí.

Đơn vị tính: đồng/lần

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT4.021	Tháo dỡ tấm chắn (tấm phai bằng gỗ) ngăn nước dòng suối	Lần		47.743	

TNT4.03 VỆ SINH LƯỚI CHẮN RÁC (LƯỚI LỌC) ĐẦU VÀO, VỚT RÁC HÀM BƠM (30 PHÚT VỚT 1 LẦN)

Thành phần công việc:

- + Dùng cào và vớt vớt rác bám dính mặt trước lưới chắn rác (lưới lọc của hố van) đầu vào.
- + Dùng vớt vớt hết rác nổi trong hàm bơm.
- + Các loại rác lấy ra từ lưới chắn rác (lưới lọc) và hàm bơm phải đổ vào thùng có nắp đậy được đặt trong khu vực trạm bơm.

Đơn vị tính: đồng/lần

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT4.031	Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào	Lần		3.835	

TNT4.04 VỆ SINH HẦM BƠM (THỰC HIỆN 01 LẦN/TUẦN)

Thành phần công việc:

- + Dùng 01 máy bơm chìm điều khiển bằng thủ công, bơm cạn 1 phần
- + Dùng bàn chải, miếng cước lau chùi toàn bộ các bơm chìm và hệ thống phao bơm.
- + Sử dụng xe hút chân không hút đến đất, cát, rác dưới đáy hầm bơm.
- + Dùng nước sạch và chổi làm vệ sinh lại bơm chìm, tường và đáy hầm bơm.
- + Sử dụng xe hút hết đất, cát, rác còn lại.
- + Vận chuyển bùn - nước - rác đến Nhà máy xử lý nước thải và xả bùn vào đúng vị trí tại Nhà máy XLNT.

Đơn vị tính: đồng/lần thực hiện

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT4.041	Vệ sinh hầm bơm	Lần		84.941	589.207

TNT4.05 VẬN HÀNH HỆ THỐNG BƠM TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI

Thành phần công việc:

- + Kiểm soát lưu lượng nước trong hầm bơm trước khi khởi động hệ thống bơm.
- + Thiết lập chế độ hoạt động của 03 máy bơm (tự động hoặc thủ công) tại tủ điều khiển. Điều khiển và khởi động máy bơm.
- + Có mặt thường xuyên trong quá trình bơm hoạt động.
- + Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

Đơn vị tính: đồng/công/máy bơm/ngày

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT4.051	Vận hành hệ thống bơm tái sử dụng nước thải	máy bơm/ngày		47.935	

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ VẬN HÀNH CÁC BỂ CHỨA NƯỚC VÀ HỆ THỐNG TUYẾN ỐNG TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI

TNT5.01 VẬN HÀNH CÁC BỂ CHỨA NƯỚC TÁI SỬ DỤNG

Thành phần công việc:

- + Theo dõi, kiểm soát lưu lượng nước trong các bể chứa, kiểm tra vật tư tài sản trong khu vực bể.
- + Vớt rác nổi tích đọng trong bể.
- + Vệ sinh chùi rửa các cửa van, vách tường khu vực van xả nước.
- + Thực hiện việc đóng mở van xả nước tại bể chứa khi người dân có nhu cầu đăng ký tưới nước phục vụ nông nghiệp.
- + Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

Đơn vị tính: đồng/bể chứa nước thải tái sử dụng

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT5.011	Vận hành các bể chứa nước tái sử dụng	Bể		31.445	

TNT5.02 VẬN HÀNH HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG TỰ CHẢY

Thành phần công việc:

- + Kiểm tra tình hình vật tư tài sản hệ thống tuyến đường ống tự chảy và các thiết bị khác trên hệ thống.
- + Thực hiện việc đóng mở các van xả nước trên các tuyến ống tự chảy khi người dân có nhu cầu đăng ký tưới nước.
- + Thay thế, sửa chữa những vị trí van bị hư, rò rỉ nước ...
- + Ghi lại dữ liệu đã thực hiện.

Đơn vị tính: đồng/1000 m đường ống

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT5.021	Vận hành các tuyến ống tự chảy	1000 m		142.463	

TNT5.03 BẢO VỆ BỂ CHỨA VÀ HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG TỰ CHẢY

Thành phần công việc:

- + Kiểm tra, bảo vệ tài sản vật tư trong khu vực bể chứa và vật tư tài sản hệ thống tuyến đường ống tự chảy và các thiết bị khác trên hệ thống.
- + Ghi chép số liệu đã thực hiện.

Đơn vị tính: đồng/công/ bể chứa và hệ thống đường ống kèm theo

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT5.031	Bảo vệ bể chứa và hệ thống đường ống tự chảy	Bể và ht đường ống		287.610	

CHƯƠNG VI
CÔNG TÁC VỆ SINH HỒ THU NƯỚC, HỒ GA

TNT6.01 VỆ SINH MIỆNG HỒ THU NƯỚC, HỒ GA BẰNG THỦ CÔNG TRONG MƯA

Thành phần công việc:

- + Di chuyển đến vị trí hồ thu nước, miệng hồ ga.
- + Dùng chổi, cào sắt thu gom rác, đất, đá gọn lại thành đống. Hót hết rác ở miệng hồ thu nước, hồ ga và bỏ vào bịch nilon.
- + Bỏ bịch rác vào thùng container đặt ở hai bên đường.
- + Sau khi vệ sinh xong miệng hồ thu nước, hồ ga thì di chuyển đến các vị trí khác theo quy định.

Đơn vị tính: đồng/100 hố

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT6.011	Vệ sinh miệng hồ thu nước, hồ ga bằng thủ công	100 hố		778.464	

TNT6.02 VỆ SINH MIỆNG HỒ THU NƯỚC BẰNG XE PHUN RỬA ÁP LỰC (6 LẦN/1 NĂM)

Thành phần công việc:

- + Chuẩn bị xe (bơm nước đầy bồn chứa, châm dầu nhớt, ...)
- + Đến vị trí chỉ định, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện và mặt bằng làm việc.
- + Lập rào chắn an toàn quanh công trình
- + Dùng vòi phun áp lực xịt rửa toàn bộ bề mặt lưới chắn rác.
- + Dùng móc sắt, xà beng ngắt cây hết đá, rác thải còn mắc kẹt trên lưới chắn rác
- + Dùng chổi xương quét dọn rác, đất, cát văng xung quanh miệng hồ thu nước và bỏ vào bịch nilon.
- + Bỏ bịch rác vào thùng container đặt ở hai bên đường.
- + Thu dọn rào chắn thiết bị, tập trung dụng cụ phương tiện và di chuyển đến các vị trí khác theo quy định.

Đơn vị tính: đồng/1hố

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy
TNT6.021	Vệ sinh miệng hồ thu nước bằng xe phun rửa áp lực	hố	727	7.094	117.901

BẢNG GIÁ VẬT LIỆU, NHÂN CÔNG

Được chọn để tính đơn giá Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

STT	Tên vật liệu, nhân công	Đơn vị	Giá chưa có VAT (đồng)
I	Vật liệu		
1	Nước sạch	m ³	6.055
II	Giá nhiên liệu		
1	Xăng	lít	16.018
2	Dầu Diezen	lít	14.673
3	Điện	kwh	1.518
III	Nhân công		
1	Nhân công công trình đô thị nhóm I, Bậc 4,0/7	công	191.740

BẢNG GIÁ CA MÁY VÀ THIẾT BỊ THI CÔNG

Được chọn để tính đơn giá Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước thải trên địa bàn
Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

STT	Tên máy và thiết bị thi công	Đơn vị	Đinh mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng	Giá ca máy	
				Tổng số	Tiền lương
1	Xe phun rửa áp lực 4m ³	ca	29 lít diesel	2.947.524	592.654
2	Xe hút chân không 4m ³	ca	30 lít diesel	2.127.100	592.654
3	Máy bơm 27m ³ /H (32 - 50 m ³ /h)	ca	72 kWh	868.857	344.192
4	Xe chuyên dụng	ca	21xlít xăng+3,5xlít diesel	406.308	1.340.031

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

MỤC LỤC

PHẦN I: THUYẾT MINH VÀ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG	1
PHẦN II: ĐƠN GIÁ XDCT - QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI	4
CHƯƠNG I: QUẢN LÝ VẬN HÀNH MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI	4
I. KIỂM TRA MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI.	4
TNT1.01 Kiểm tra đường ống bằng máy ghi hình	4
TNT1.02 Kiểm tra giếng thăm, giếng kiểm tra bằng thủ công.....	5
TNT1.03 Kiểm tra giếng chuyển hướng bằng phương pháp thủ công.....	5
TNT1.04 Kiểm tra hộp nối bằng phương pháp thủ công.....	6
II. VỆ SINH MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI BẰNG THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG	6
TNT1.05 Vệ sinh giếng thăm, giếng kiểm tra bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không	6
TNT1.06 Vệ sinh giếng chuyển hướng bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không	7
TNT1.07 Vệ sinh giếng hộp nối bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không	8
TNT1.08 Vệ sinh tuyến ống bằng xe phun rửa áp lực và xe hút chân không	9
CHƯƠNG II: QUẢN LÝ VẬN HÀNH TRẠM BƠM C2A	10
TNT2.01 Xả tràn khẩn cấp (trường hợp đột xuất).....	10
TNT2.02 Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào (30 phút vớt rác 1 lần; 48 lần/ngày đêm)	10
TNT2.03 Vệ sinh hầm bơm: (30 phút vớt rác 1 lần; 48 lần/ngày đêm)	11
TNT2.05 Vận hành hệ thống bơm chìm	11
CHƯƠNG III: QUẢN LÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI	12
TNT3.01 Đo lưu lượng (30 phút đo 1 lần; 48 lần/ngày đêm).....	12
TNT3.02 Xả cặn tại công trình thu (2 tiếng xả 1 lần; 12 lần/ngày đêm).....	12
TNT3.03 Hút đất, cát, làm vệ sinh hố xả cặn tại công trình thu (hút, vệ sinh 01 lần/ngày)..	13
TNT3.04 Vệ sinh thác làm thoáng (thác tạo khí, vệ sinh 01 lần/tuần)	13
TNT3.05 Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào (30 phút vớt 1 lần; 48 lần/ngày đêm)....	13
TNT3.06 Vệ sinh hố phân chia lưu lượng, hố thu hầm tự hoại (thực hiện 04 lần/ngày)	14
TNT3.07 Vệ sinh các giếng kiểm tra phía trên và trước công trình thu (thực hiện 01 lần/tuần)	14
TNT3.08 Vớt rác tích đọng trên mặt hồ kỵ khí (3 tháng/1 lần), hồ sinh học (1 tháng/1 lần) và hồ làm thoáng (1 tháng/1 lần)	15
TNT3.09 Bảo vệ bên trong nhà máy xử lý nước thải	15
CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ VẬN HÀNH TRẠM BƠM TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI	16
TNT4.01 LẮP ĐẶT TẮM CHẮN (TẮM PHAI BẰNG GỖ) NGĂN DÒNG NƯỚC DÒNG SUỐI	16
TNT4.02 Tháo dỡ tấm chắn (tấm phai bằng gỗ) ngăn dòng nước dòng suối.....	16

TNT4.03 Vệ sinh lưới chắn rác (lưới lọc) đầu vào, vớt rác hầm bơm (30 phút vớt 1 lần) ...	16
TNT4.04 Vệ sinh hầm bơm (thực hiện 01 lần/tuần).....	17
TNT4.05 Vận hành hệ thống bơm tái sử dụng nước thải	17
CHƯƠNG V: QUẢN LÝ VẬN HÀNH CÁC BỂ CHỨA NƯỚC VÀ HỆ THỐNG TUYÊN ỐNG TÁI SỬ DỤNG NƯỚC THẢI.....	18
TNT5.01 Vận hành các bể chứa nước tái sử dụng.....	18
TNT5.02 Vận hành hệ thống đường ống tự chảy	18
TNT5.03 Bảo vệ bể chứa và hệ thống đường ống tự chảy	18
CHƯƠNG VI: CÔNG TÁC VỆ SINH HỒ THU NƯỚC, HỒ GA	19
TNT6.01 Vệ sinh miệng hồ thu nước, hồ ga bằng thủ công trong mưa	19
BẢNG GIÁ VẬT LIỆU, NHÂN CÔNG VÀ CẢ MÁY THI CÔNG.....	20